

Bản án: 33/2025/HS-PT

Ngày: 18/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Anh Khoa**

Các Thẩm phán:

Bà **Huỳnh Thị Xuân Oanh**

Ông **Võ Đình Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Trương Ngọc Thiện** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **Võ Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 188/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Đoàn Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo: **Đoàn Văn Q** - Sinh ngày: 20/10/1962, tại Yên Khánh, Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn M (đã chết) và bà Vũ Thị V (đã chết); có vợ Bùi Thị C, sinh năm: 1971 và 02 con (con lớn sinh năm: 1990, con nhỏ sinh năm: 1993); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến ngày 22/12/2023 được thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N;

Đại diện hợp pháp ông **Phạm Ngọc K** - Phó Chủ tịch UBND xã N, thị xã N. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Hạt Kiểm lâm thị xã N, tỉnh Khánh Hòa;

Đại diện hợp pháp ông **Trần Doãn N** - Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm thị xã N. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3/ Công ty TNHH K;

Đại diện hợp pháp ông **Vũ Xuân N** - Phó Giám đốc Công ty; địa chỉ: thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4/ Ông **Huỳnh Trọng Ph**, sinh năm: 1984 - Công chức Hạt Kiểm lâm N; nơi cư trú: Tổ dân phố P 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5/ Ông **Lê L**, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

6/ Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

7/ Bà **Bùi Thị C**, sinh năm: 1971; nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

8/ Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1960, trú tại: Thôn Đ 2, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông **Đỗ Văn T**, sinh năm: 1988; nơi cư trú: C16.02 Chung cư Bộ Công an, đường số 5, phường B, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2/ Ông **Phạm Minh T**, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3/ Ông **Dương Quang H**, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

4/ Bà **Phan Thị H**, sinh năm: 1947; nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5/ Ông **Phan Văn V**, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Trung T, huyện U, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm mục đích làm rẫy. Khoảng tháng 5 năm 2021, Đoàn Văn Q gặp 04 người đồng bào dân tộc Dao tên V, T, H, B (đều không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực hồ Đắc Lộc, xã V, thành phố N thì Q hỏi thuê làm công, chỉ đạo đến phát dọn cây, bụi làm rẫy tại khu vực rừng thuộc lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, với tiền công 200.000 đồng/người/ngày, làm được 01 tháng thì nghỉ. Khoảng tháng 6 năm 2021, trên đường đi đến lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, Q gặp 04 người phụ nữ và 01 bé trai (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua nói chuyện biết họ là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại tỉnh Ninh Thuận nên hỏi thuê người đến làm rẫy cho Q. Sau 01 tuần thì có 02 cặp vợ chồng người đồng bào đến làm thuê cho Q. Sau đó, Q bảo họ gọi thêm người để làm cho nhanh thì có thêm 02 nam và 01 cặp vợ chồng (đều không rõ nhân thân, lai lịch) đến. Q chỉ đạo 08 người dùng cưa máy cưa cây rừng, thu gom tàn dư thực vật đốt và trồng cây chuối tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, tiền công 200.000 đồng/người/ngày, Q lo ăn uống, nghỉ ngơi tại lán trại và khoảng 02 tháng thì nghỉ. Q sử dụng xe ô tô tải ben, hiệu Thaco vận chuyển gỗ, củi sau khi cưa, cắt về nhà

tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa làm chất đốt. Trong thời gian này, Q còn thuê Lê L điều khiển xe máy màu vàng xanh, hiệu Komat'su PC 200-3, gàu 0,7m³, số khung 205-26-71313 của Q, san ủi, sửa đường từ lô 7 khoảnh 9 tiểu khu 103 xã N, thị xã N đến lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, thị xã N, mức hồ chứa nước tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N và mở đường dạng hình xương cá tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N; sử dụng xe máy mức thu gom đá, tàn dư thực vật, Q trả công cho Lê L là 450.000 đồng/ngày và thời gian L làm thuê cho Q khoảng 07 tháng. Đến ngày 19 tháng 01 năm 2022, Hạt Kiểm Lâm N phối hợp với Chi cục Kiểm Lâm Khánh Hòa và Ủy ban nhân dân xã N, tiến hành kiểm tra tại khu vực khoảnh 8 và 9 tiểu khu 103 xã N thì phát hiện vụ việc nên Hạt Kiểm Lâm N đã thụ lý nguồn tin về tội phạm để giải quyết theo quy định.

Tại Kết luận giám định số: 862/KLGD-KL ngày 14 tháng 7 năm 2022 và sơ đồ vị trí khu vực bị phá rừng kèm theo của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa kết luận: Diện tích rừng bị chặt phá, san ủi đường tại khoảnh 8, khoảnh 9 tiểu khu 103 xã N là 97.000m², số gốc cây bị chặt hạ hiện còn tại hiện trường là 2.001 cây. Trong đó: Lô 3 khoảnh 8 có diện tích 52.800m², số gốc cây còn lại tại hiện trường là 1.297 cây; lô 3 khoảnh 9 có diện tích 3.800m², lô 5 khoảnh 9 có diện tích 2.900m², lô 6 khoảnh 8 có diện tích 10.000m², lô 7 khoảnh 8 diện tích 3.500m², lô 26 khoảnh 8 diện tích 19.200m², lô 22 khoảnh 8 diện tích 2.100m², lô 27 khoảnh 8 diện tích 2.700m². Toàn bộ diện tích khu vực rừng bị chặt phá, san ủi thuộc kiểu trạng thái là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (NXP); thuộc loại rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã N quản lý.

Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã căn cứ điểm b khoản 3 Điều 243; Điều 38, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 47, Điều 106 Bộ luật Tố Tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q 07 năm 06 tháng tù về tội “Hủy hoại rừng”.

Vật chứng vụ án thu giữ: Xe máy màu vàng xanh, hiệu Komat'su PC 200-3, gàu 0,7m³, số khung 205-26-71313 là phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Bị cáo Đoàn Văn Q kháng cáo kêu oan.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Bị cáo đã có hành vi hủy hoại rừng tại diện tích lô 3, khoảnh 8, tiểu khu 103 xã N, Ninh Hòa. Toàn bộ diện tích khu vực rừng bị chặt phá, san ủi thuộc kiểu trạng thái là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (NXP) thuộc loại rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã N quản lý có diện tích 52.800m². Bản án hình sự sơ thẩm xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q 07 năm 06 tháng tù về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Nguyễn Hồng H bào chữa cho bị cáo: Tòa án đã trả hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa không làm rõ một số nội dung nhưng không được thực hiện. Phiên tòa sơ thẩm không triệu tập nhân chứng, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đã triệu tập. Hành vi ông Q có chặt cây không? Diện tích 2,3ha ông H khai là keo trồng nên không tính vào 5,8 ha. Xác định tư cách tham

gia tổ tụng của UBND xã phải là nguyên đơn dân sự hoặc bị hại. Căn cứ lời khai ông H, bà H ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm đủ xác định tư cách tham gia tố tụng của họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chứ không phải người làm chứng. Diện tích đất bị cáo mua tuy giấy tờ chưa ổn nhưng nhằm mục đích phục vụ mục đích kinh tế. Địa danh “Đá Đen” phải được điều tra xác minh nên không thể căn cứ vào lời khai để buộc tội bị cáo. Do có nhiều vi phạm nên đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo Q tranh luận bổ sung: Về địa danh “Đá Đen” cả khu vực rộng lớn, chứ không phải một địa điểm. Diện tích 2,3 ha keo mà anh H cho rằng anh H trồng là không đúng vì năm 2019, 2020 anh H bị tai nạn phải điều trị tâm thần. Đám keo này là của bà H, ông H trồng, tôi mua lại của họ có giấy sang nhượng đất rừng, ông Đ có xác nhận, bà H không thể phủ nhận điều này. Bản thân tôi có sai phạm là sang ủi, đào hồ chứa nước, tuy nhiên, tôi không phá rừng. Kết luận điều tra không có thiệt hại về rừng nhưng lại truy tố, xét xử tôi.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Theo qui định tại Điều 245, 246 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa không vi phạm việc điều tra bổ sung. Tư cách tham gia tố tụng bản án sơ thẩm đã xác định đúng không vi phạm. Tài liệu sang nhượng đất, tháng 01/2022, bị cáo bị bắt xe múc, đến tháng 4/2022, bị cáo yêu cầu bà H viết giấy sang nhượng đất. Tuy nhiên, bà H không phải chủ rừng nên cũng không thể bán cho người khác. Ông Đ xác nhận bà H có rẫy ở “Đá Đen” chứ không xác nhận nội dung mua bán. Diện tích rừng bị phá là do bị cáo Q tự xác định và khoanh trong bản vẽ (bút lục 611). Việc không xác định giá trị thiệt hại là có lợi cho bị cáo vì không phải bồi thường. Các bút lục bản khai của ông Ph trong hồ sơ này đều thể hiện việc ông Ph nhận tiền, vật chất để bỏ qua cho hành vi phá rừng của bị cáo.

- Luật sư Nguyễn Hồng H đối đáp: Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung nếu chưa làm rõ thì trả tiếp để xem xét các chứng cứ gỡ tội đối với bị cáo.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng như sau: “Bị cáo xác định không phạm tội hủy hoại rừng, bị cáo chỉ vi phạm việc mở rộng đường và múc hồ chứa nước; bị cáo chặt, phát dọn cây để làm rẫy trên phần diện tích đất đã mua của gia đình bà Phan Thị H và ông Dương Quang H theo giấy sang nhượng đất trồng rừng có chữ ký của bà H và Trưởng thôn”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo: Bị cáo cho rằng mình không phạm tội hủy hoại rừng như nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo mua đất rẫy của gia đình bà Phan Thị H, ông Dương Quang H, diện tích đất bà H, ông H trồng và canh tác trong phần diện tích lô 3, khoảnh 8, tiểu khu 103 xã N, Ninh Hòa. Bị cáo thuê

người chặt, cưa, đốt và người lái xe máy múc thu gom tàn dư thực vật, mức hồ chứa nước, xây dựng lán trại để làm rẫy, trồng chuối tại lô 3, khoảnh 8, tiểu khu 103 xã N, Ninh Hòa, diện tích đất này bị cáo đã mua của gia đình bà Phan Thị H và ông Dương Quang H đã làm rẫy theo giấy sang nhượng đất trồng rừng của bà Phan Thị H; trên diện tích đất khai thác vẫn còn các cây keo, xoài, mít.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời khai của bị cáo Q, bị cáo đã khai nhận các nội dung về chuyển nhượng đất của bà H (mẹ), ông H (con trai), đối với lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N. Tuy nhiên, bà H (mẹ), ông H (con trai) đều khai, không sang nhượng lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N cho bị cáo Q. Việc ghi giấy sang nhượng là do bị cáo yêu cầu ghi theo ý bị cáo để làm sổ đỏ. Bản thân bị cáo cũng khai việc viết giấy sang nhượng đất trồng rừng không phải lập ngày 15/8/1995 mà đến tháng 4/2022 mới yêu cầu mẹ con bà H ghi giấy sang nhượng thêm nội dung diện tích đất, giá tiền, tứ cận. Lời khai tại bút lục 604, 605, bị cáo khai yêu cầu bà H ghi giấy sang nhượng đất trồng rừng như trên. Nhằm mục đích hợp pháp hóa diện tích đất rừng mà bị cáo đã chặt phá. Bản thân bà H, ông H không phải là chủ đất rừng 15ha ghi trong giấy sang nhượng. Chồng bà H chết năm 2010 nên không canh tác trên phần đất mà bị cáo yêu cầu bà ghi giấy sang nhượng. Đối với ông Đ cũng không biết diện tích đất sang nhượng giữa 2 bên, ông chỉ được nhờ ghi vào giấy và cũng không nhận lợi ích gì từ việc này. Bị cáo khai nhận tự ý chặt cây, san ủi, sửa đường và mức hồ nước từ năm 2021 đến tháng 01/2022 bị phát hiện, xử lý, đến tháng 4/2022 mới yêu cầu bà H, ông H ghi giấy để chứng minh là chủ rừng để hợp pháp hóa hành vi trước đó.

Hành vi hủy hoại rừng, bị cáo Q khai nhận: Khoảng tháng 5 năm 2021, bị cáo Đoàn Văn Q gặp 04 người đồng bào dân tộc Dao (đều không rõ nhân thân, lai lịch) thuê họ phát dọn cây, bụi làm rẫy tại khu vực rừng thuộc lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, với tiền công 200.000 đồng/người/ngày, làm được 01 tháng thì nghỉ.

Khoảng tháng 6 năm 2021, bị cáo Q thuê 08 người dùng cưa máy cưa cây rừng, thu gom tàn dư thực vật đốt và trồng cây chuối tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, tiền công 200.000 đồng/người/ngày. Bị cáo Q sử dụng xe ô tô tải ben, hiệu Thaco vận chuyển gỗ, củi sau khi cưa, cắt về nhà tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa làm chất đốt và dùng xe ben này chở chuối lên trồng vào khu vực đã chặt cây rừng.

Bị cáo Quang còn thuê Lê L dùng xe múc hiệu Komat'su PC 200-3, gàu 0,7m³, số khung 205-26-71313 của Q, san ủi, sửa đường từ lô 7 khoảnh 9 tiểu khu 103 xã N, thị xã N đến lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N, thị xã N, mức hồ chứa nước tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N và mở đường dạng hình xương cá tại lô 3 khoảnh 8 tiểu khu 103 xã N. Sử dụng xe máy múc thu gom đá, tàn dư thực vật, Q trả công cho Lê L là 450.000 đồng/ngày và thời gian Lê L làm thuê cho Q khoảng 07 tháng. Đến ngày 19 tháng 01 năm 2022, Hạt Kiểm lâm N phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa và Ủy ban nhân dân xã N, tiến hành kiểm tra tại khu vực khoảnh 8 và 9 tiểu khu 103 xã N và phát hiện vụ. Để không bị xử lý về hành vi phá rừng, bị cáo Q đã nhiều lần đưa tiền, biếu quà cho Huỳnh Trọng Ph, để ông Ph bỏ qua, không xử lý, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phá

rừng (BL559). Như vậy, tại thời điểm phá rừng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật Theo biên bản làm việc ngày 01/4/2022, của Hạt Kiểm lâm N thì khoanh 8, 9 tiểu khu 103 là diện tích rừng chưa cho giao, chưa cho thuê thuộc quản lý của UBND xã N, Ninh Hòa. *Tại Kết luận giám định số 862/KLGD-KL ngày 14 tháng 7 năm 2022 và sơ đồ vị trí khu vực bị phá rừng của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Khánh Hòa lô 3 khoanh 8 tiểu khu 103 xã N có diện tích 52.800m² bị chặt phá, san ủi thuộc kiểu trạng thái là rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (NXP); thuộc loại rừng sản xuất do Ủy ban nhân dân xã N quản lý.* Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo Điều 243 Bộ luật Hình sự, đối với thiệt hại về cây rừng, kết luận của cơ quan chức năng là không định xác được giá trị thiệt hại chứ không phải là không có thiệt hại như bị cáo khai. Trong trường hợp định giá được thiệt hại về cây rừng thì bị cáo còn phải chịu trách nhiệm bồi thường giá trị thiệt hại. Lời khai của bị cáo, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án, các tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Tính chất mức độ phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo Đoàn Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản của Nhà nước, gây thiệt hại và ảnh hưởng tới môi trường sinh thái. Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, không nhận thức lỗi lầm của mình và ăn năn hối cải. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa các hành vi tương tự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Đoàn Văn Q là người có công với cách mạng tham gia dân công hỏa tuyến và hưởng chế độ theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; cha mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước, an tâm cải tạo và làm công dân có ích cho xã hội.

[4] Về vật chứng, bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị xe máy mức hiệu Komat’su PC 200-3, gàu 0,7m³, số khung 205-26-71313 (½ giá trị xe máy mức còn lại thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị Ch) là chưa phù hợp. Bà Ch khai biết bị cáo dùng xe máy để cho người khác thuê, sau đó dùng xe này phục vụ việc làm đường, mức hồ nước tại lô đất rừng nêu trên; bản thân bà Ch cũng trả tiền công lao động cho anh L, do đó, cần tịch thu toàn bộ xe máy này sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn Q phải nộp 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 243; Điều 38; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 47, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/6/2023 đến ngày 22/12/2023.

3. Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, sửa quyết định xử lý vật chứng, tịch thu sung công quỹ Nhà nước xe máy mức hiệu Komat'su PC 200-3, gàu 0,7m³, số khung 205-26-71313.

4. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ, Công an tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã Ninh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Anh Khoa